TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/KDTM-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý;

2. Bà Bùi Diệu Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My, cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Từ Ngọc Hòa, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-KDTM ngày 08/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2024/QĐST-KDTM ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C

Địa chỉ trụ sở: Tầng 26-27-28 Cao ốc S, số 37 T, phường B, Quận Z, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K, Y- C; Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Văn N

Theo Giấy ủy quyền số 23T.2024/GUQ-COL ngày 03 tháng 01 ngày 2024.

Ông N có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH sản xuất Thương mại T

Địa chỉ trụ sở: 42 A, Khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Q, chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 42 A, Khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố H.

Ông Q vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh Q, sinh năm 1982

- Bà Huỳnh Quốc N, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: 42 A, Khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố H.

Ông Q, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn và bản tự khai của đại diện nguyên đơn, bị đơn tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C là nguyên đơn có ông Hồ Văn N làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/02/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã ký kết Hợp đồng bán hàng số T22077609 (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng").

Theo đó, hàng hóa mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có nhu cầu mua là Thép cuộn (sau đây gọi tắt là "Hàng hóa"). Để thực hiện Hợp đồng nêu trên, vào ngày 10/03/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã ký Hợp đồng mua bán số T22077609-PC với Công ty Cổ phần K Thành phố H - V để mua Hàng hóa nêu trên và bán trả dần cho Công ty TNHH sản xuất Thương mại T.

Ngày 13/03/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã bàn giao đầy đủ hàng hóa theo thỏa thuận cho Công ty TNHH sản xuất Thương mại T. Đồng thời, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T cũng đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hoá.

Tổng giá trị của hàng hóa, số tiền trả trước, số tiền trả dần theo định kỳ, số lần thanh toán mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có nghĩa vụ thực hiện đối với Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C được thể hiện trong Hợp đồng và

Thông báo về ngày thanh toán định kỳ số T22077609A ngày 13/03/2023, cụ thể như sau:

Hợp đồng	Tổng giá trị Hàng hóa	Số tiền trả trước	Số tiền trả dần theo định kỳ	Số lần thanh toán
T22077609	2.998.564.966	475.518.560	2.523.045.536	15

Hằng tháng, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T phải thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền trả dần theo định kỳ cho đến khi thanh toán xong.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH sản xuất Thương mại T theo Hợp đồng, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N ký ngày 02/02/2023. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH sản xuất Thương mại T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ thay cho Công ty TNHH sản xuất Thương mại T.

Thêm vào đó, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đồng ý chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C một khoản tiền đặt cọc là 559.433.600 đồng nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH sản xuất Thương mại T theo Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T không thanh toán số tiền trả dần theo định kỳ đến hạn kể từ ngày 05/5/2023.

Nhận thấy Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nên ngày 22/08/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã phát hành Thông báo số 01.2023/TB-TQG về việc chấm dứt Hợp đồng (sau đây gọi tắt là "Thông báo số 01"). Theo Thông báo số 01, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền tính đến ngày 24/8/2023 (Ngày chấm dứt Hợp đồng) là 2.368.382.938 đồng (Hai tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo số 01.

Ngày 29/8/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C phát hành Thư yêu cầu thanh toán số 02.2023/TB-TQG về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán (sau đây gọi tắt là "Thư yêu cầu thanh toán") để yêu cầu Ông Lê

Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán số tiền Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C. Thời hạn thanh toán chậm nhất là đến ngày 10/9/2023. Tuy nhiên cho đến nay, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T, Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn nợ Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C.

Do đó, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H yêu cầu giải quyết các nội dung sau:

Buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ (tạm tính đến ngày 03/4/2024) là 2.476.286.337 (hai tỷ bốn trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi bảy) đồng.

Trong đó bao gồm:

Tiền trả dần theo định kỳ còn lại: 2.354.842.500 đồng;

Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24/8/2023: 10.970.496 đồng;

Tiền phạt vi phạm tính đến ngày 24/8/2023: 2.569.942 đồng;

Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/8/2023 đến ngày 03/4/2024: 107.903.399 đồng.

Buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 04/04/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất là 7.5% cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất Thương mại T không thanh toán được số tiền trả dần theo định kỳ còn nợ thì buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ.

Bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có Ông Lê Thanh Q là đại diện theo pháp luật trình bày: Theo Hợp đồng bán hàng số T22077609 ký ngày 02/02/2023 giữa Công ty TNHH sản xuất Thương mại T và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C thì giá trị 2.523.045.536 đồng. Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã đặt cọc số tiền 559.433.600 đồng. Đối với các lần thanh toán sau ngày ký hợp đồng, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T sẽ thống kê và trả lời bằng văn bản cho Tòa án.

Bà Huỳnh Quốc N và Ông Lê Thanh Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có lời khai trình bày ý kiến về vụ án.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ tạm tính đến ngày 31/5/2024 (sau khi cấn trừ tiền đặt cọc) là 1.944.917.299 (một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm chín mươi chín) đồng.

Trong đó bao gồm:

Tiền trả dần theo định kỳ còn lại: 1.808.117.540 đồng;

Tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24/8/2023: 656.683 đồng;

Tiền phạt vi phạm tính đến ngày 24/8/2023: 175.115 đồng;

Tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/8/2023 đến ngày 31/5/2024: 135.967.961 đồng.

Buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/6/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất là 7.5% cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp Công ty TNHH sản xuất Thương mại T không thanh toán được số tiền trả dần theo định kỳ còn nợ thì buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Tuy nhiên, Tòa án chưa đảm bảo thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tuân theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 50, 294, 296, 300 Luật Thương mại năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn - Công ty C về việc buộc Công ty T phải thanh toán số tiền mua hàng còn nợ, lãi suất chậm thanh toán và phạt vi phạm đối với số tiền sau khi cấn trừ tiền đặt cọc; Buộc Công ty T thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 01/6/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất là 7.5% cho đến khi thanh toán xong nợ gốc; Trường hợp Công ty T không thanh toán được số tiền trả dần theo định kỳ còn nợ thì buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty T còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại T là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa". Bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có trụ sở tại số 42 A, Khu phố Y, phường B, quận B, Thành phố H. Do đó vụ kiện thuộc thẩm giải quyết của Toà án nhân dân quận B theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Thanh Q là người đại diện theo pháp luật của bị đơn; Ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Quốc N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập Ông Lê Thanh Q là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và Tòa án cũng đã triệu tập Ông Lê Thanh Q, bà Huỳnh Quốc N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Toà tham gia tố tụng nhưng Ông Q, bà N không đến Tòa, không cung cấp ý kiến cho Tòa án. Có nghĩa là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên các đương sự này phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì: *"Một*

bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".*Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận các số tiền hàng còn nợ, số tiền đã thanh toán, số tiền cọc nên đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T phải thanh toán cho cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C tổng số tiền là 1.944.917.299 (một tỷ chín trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm chín mươi chín) đồng bao gồm nợ tiền hàng, lãi chậm thanh toán và phạt vi phạm phát sinh từ Hợp đồng bán hàng số T22077609 do hai bên ký kết ngày 02/02/2023.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng và xác lập các thỏa thuận, pháp luật điều chỉnh quan hệ hợp đồng giữa các bên là Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xét về hình thức của hợp đồng mua bán hàng hóa: Hợp đồng mua bán hàng hóa được lập thành văn bản là phù hợp với quy định tại Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

Về mặt nội dung của hợp đồng mua bán hàng hóa: Về chủ thể giao kết hợp đồng và xác lập thỏa thuận giữa Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C và Công ty TNHH sản xuất Thương mại T là pháp nhân có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân. Các chủ thể này tự nguyện giao kết hợp đồng, xác lập thỏa thuận nên hợp đồng và thỏa thuận phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4.1.1] Đối với yêu cầu trả tiền mua bán hàng hóa phát sinh từ hợp đồng với số tiền 1.808.117.540 đồng.

Thực hiện thỏa thuận của Hợp đồng bán hàng số T22077609, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã giao đủ số lượng hàng và xuất hóa đơn giá trị

gia tăng cho Công ty TNHH sản xuất Thương mại T; hai bên cũng ký biên bản bàn giao và nghiệm thu hàng hóa. Tổng giá trị tiền hàng theo phương thức trả dần là 2.998.564.096 đồng. Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã trả trước 475.518.560 đồng nên số tiền trả dần theo định kỳ là 2.523.045.536 đồng. Số tiền trả dần đã được bị đơn xác nhận trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án. Hai bên thỏa thuận, bị đơn phải thanh toán định kỳ vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 05/4/2023 và kết thúc vào ngày 05/6/2024 với số tiền thanh toán mỗi kỳ là 168.203.036 đồng. Tuy nhiên, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T chỉ thực hiện được 1 kỳ thanh toán và thanh toán trễ hạn vào ngày 21/4/2023 (thanh toán 100.000.000 đồng), ngày 28/4/2023 (thanh toán 68.203.036 đồng) và từ ngày 05/5/2023, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 22/8/2023, Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C thông báo chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán một lần các khoản nợ còn lại. Điều này phù hợp với quy định về chấm dứt hợp đồng tại Điều 8 của hợp đồng. Điều 8 của hai Hợp đồng có quy định khi hợp đồng bị chấm dứt, trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thông báo của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C, Công ty TNHH sản xuất Thương mại T có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền còn nợ. Như vậy, kể từ thời điểm Công ty TNHH sản xuất Thương mại T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C thông báo, thời gian kéo dài đến nay, mặc dù Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đã hoàn thành các nghĩa vụ bên bán hàng nhưng phía Công ty TNHH sản xuất Thương mại T vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng. Theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005 thì *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận. Bên mua phải tuân thủ các phương thức thanh toán, thực hiện việc thanh toán theo trình tự, thủ tục đã thỏa thuận và theo quy định của pháp luật"*.

Tuy nhiên, để đảm bảo thực hiện hợp đồng, các bên có thỏa thuận tại Điều 9 của Hợp đồng về việc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T đặt cọc số tiền 559.433.600 đồng, và số tiền đặt cọc này Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C có quyền, không cần thông báo hay có sự đồng ý của khách hàng sử dụng số tiền đặt cọc để trang trải cho các số tiền chưa thanh toán, các chi phí, phí, các thiệt hại, mất mát phát sinh theo hợp đồng và số tiền đặt cọc sẽ được tự động cấn trừ vào các số tiền còn lại tại các lần thanh toán cuối cùng và/hoặc các khoản phải trả khác trước khi kết thúc hợp đồng. Do đó, cần cấn trừ số tiền cọc của bị đơn vào số tiền thanh toán định kỳ hàng tháng mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Số tiền cọc là 559.433.600 đồng cộng với 168.203.036 đồng bị đơn thanh

toán vào tháng 4/2023, tổng cộng là 727.636.636 đồng sẽ là số tiền được trừ vào số tiền hàng mà bị đơn cần thanh toán. Như vậy, tổng số tiền hàng bị đơn còn thiếu của nguyên đơn là 2.523.045.536 đồng - 727.636.636 đồng = 1.795.408.900 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C, buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T phải thanh toán số nợ tiền hàng còn thiếu 1.795.408.900 đồng.

[4.1.2] Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của nguyên đơn với số tiền 136.624.644 đồng, trong đó lãi chậm thanh toán tính đến ngày 24/8/2023 là 656.683 đồng, lãi chậm thanh toán từ ngày 25/8/2023 đến ngày 31/5/2024 là 135.967.961 đồng.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại về quyền yêu cầu tiền lãi do chậm thanh toán *"Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác."*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập và nhận được thông báo về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của các ngân hàng thương mại gồm Ngân hàng thương mại cổ phần A (13%/năm); Ngân hàng N (9%/năm); Ngân hàng TMCP S (9.75%/năm) và Ngân hàng B (9%/năm) nên tại thời điểm xét xử, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường cao hơn 7.5%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 7.5%/năm là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời hạn tính lãi: Theo thỏa thuận của Hợp đồng, kỳ thanh toán được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng. Như đã nhận định trên, số tiền cọc là 559.433.600 đồng cộng với 168.203.036 đồng bị đơn thanh toán vào tháng 4/2023, tổng cộng là 727.636.636 đồng sẽ là số tiền được trừ vào số tiền hàng mà bị đơn cần thanh toán. Như vậy, bị đơn thanh toán được 4 kỳ (tháng 4, 5, 6, 7 năm 2023) và số tiền 54.824.492 đồng được cấn trừ cho kỳ thanh toán tháng 8 năm 2023. Do đó, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm một phần nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05/8/2023 đến ngày 24/8/2023 (ngày nguyên đơn thông báo chấm dứt hợp đồng), nên số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 05/8/2023 đến ngày

23/8/2023 tính trên số tiền chậm trả là: (168.203.036 – 54.824.492 đồng) x 7.5%/365 ngày x 18 ngày = 419.345 đồng.

Từ ngày 24/8/2023 đến ngày 31/5/2024 số tiền lãi chậm thanh toán được tính là: (1.795.408.900 đồng x 7.5%)/365 x 281 ngày = 103.666.418 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi chậm trả là: 419.345 đồng + 103.666.418 đồng = 104.085.763 đồng.

Do đó, nay phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả với số tiền 136.624.644 đồng, Hội đồng xét xử chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán 104.085.763 đồng lãi chậm trả tạm tính đến ngày 31/5/2024.

[4.1.3] Đối với yêu cầu phạt vi phạm của nguyên đơn:

Nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán khoản tiền phạt vi phạm tính đến ngày 24/08/2023 là 175.115 đồng. Tại mục 7.3 Điều 7 Hợp đồng bán hàng số T22077609 các bên có thỏa thuận như sau: *Các Bên theo đây đồng ý rằng, khi có bất kỳ Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn phải trả nào bị chậm thanh toán quá mười (10) ngày so với Ngày Thanh Toán Định Kỳ, ngoài Tiền Lãi Chậm Thanh Toán như quy định tại Điều 7.1 trên đây, Khách Hàng sẽ thanh toán cho Công ty C số tiền phạt vi phạm được tính bằng 2% của (các) Số Tiền Trả Dần Theo Định Kỳ đến hạn bị chậm thanh toán tính từ ngày bắt đầu chậm thanh toán*. Thỏa thuận này của hai bên cũng phù hợp với quy định tại Điều 300, Điều 301 Luật Thương mại 2005 *"Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm"*. Như đã nhận định trên, số tiền chậm thanh toán mà bị đơn vi phạm tại kỳ thanh toán tháng 8/2023 là 168.203.036 đồng – 54.824.492 đồng = 113.378.544 đồng. Như vậy, tiền phạt được tính là: 2% x 113.378.544 đồng = 2.267.570 đồng.

Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản tiền phạt của số tiền thanh toán không đúng hạn theo hợp đồng bán hàng nêu trên với số tiền 175.115 đồng là phù hợp và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 1.795.408.900 đồng + 419.345 đồng + 103.666.418 đồng + 175.115 đồng = 1.899.669.778 đồng.

[4.2] Đối với yêu cầu buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ trong trường hợp Công ty TNHH

sản xuất Thương mại T không thanh toán được số tiền trả dần theo định kỳ còn nợ.

Tại thời điểm Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N xác lập Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/02/2023, pháp luật điều chỉnh là Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Hình thức của Thư bảo lãnh cá nhân ngày 02/02/2023 là phù hợp với quy định tại Điều 43 Nghị định 21/2021/NĐ-CP năm 2021.

Về mặt nội dung của Thư bảo lãnh: Về chủ thể xác lập thư bảo lãnh với Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C là Ông Q, bà N, những cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, Thư bảo lãnh này được Ông Q, bà N tự nguyện xác lập, làm phát sinh nghĩa vụ của ông bà đối với Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C.

Do nội dung và hình thức Thư bảo lãnh đều tuân thủ đúng quy định pháp luật theo quy định tại Điều 335, Điều 336 và Điều 338 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 44 Nghị định 21/2021/NĐ-CP năm 2021 nên yêu cầu buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất Thương mại T không thanh toán được số tiền trả dần theo định kỳ còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố H thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do được chấp nhận một phần yêu cầu nên nguyên đơn phải nộp án phí trên yêu cầu không được chấp nhận, án phí được tính là trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận 1.944.917.299 đồng - 1.899.669.778 đồng = 45.247.521 đồng, án phí được tính là: 3.000.000 đồng được cấn trừ vào số tiền 39.824.152 đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026677 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 36.824.152 đồng.

Công ty TNHH sản xuất Thương mại T phải nộp án phí tính trên số tiền 1.899.669.778 đồng phải trả cho nguyên đơn, án phí được tính là 68.990.093 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 338 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 43, Điều 44 Nghị định 21/2021/NĐ-CP năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đối với Công ty TNHH sản xuất Thương mại T về việc thanh toán tiền hàng hóa, lãi chậm thanh toán, tiền phạt theo Hợp đồng bán hàng số T22077609 ngày 02/02/2023.

2. Buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C một lần số tiền 1.899.669.778đ (một tỷ tám trăm chín mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng), trong đó tiền hàng còn thiếu là 1.795.408.900đ (một tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm linh tám nghìn chín trăm đồng); lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 31/5/2024 là 104.085.763đ (một trăm linh bốn triệu không trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng); tiền phạt là: 175.115đ (một trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm mười lăm đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận theo Hợp đồng bán hàng số T22077609 ngày 02/02/2023.

4. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đối với Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Buộc Ông Lê Thanh Q và bà Huỳnh Quốc N thực hiện nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền mà Công ty TNHH sản xuất Thương mại T còn nợ trong trường hợp Công ty TNHH sản xuất Thương mại T

không thanh toán được số tiền phải trả cho Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C đối với Công ty TNHH sản xuất Thương mại T về việc buộc Công ty TNHH sản xuất Thương mại T thanh toán tiền hàng hóa, lãi chậm thanh toán theo Hợp đồng bán hàng số T22077609 ngày 02/02/2023 với số tiền 45.247.521đ (bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi mốt đồng).

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH sản xuất Thương mại T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 68.990.093đ (sáu mươi tám triệu chín trăm chín mươi nghìn không trăm chín mươi ba đồng).

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 39.824.152 đồng nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0026677 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Công ty TNHH Thương mại Quốc tế C được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 36.824.152đ (ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn một trăm năm mươi hai đồng)

7. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Linh